|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN

Họ và tên: ............................................. Ngày sinh: .......................... MSV: ...................................

Lớp: ................... Khoa: ........................... Hệ: .......................Học kỳ:............... Năm học: ...........

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ** | **Điểm SV tự đánh giá** | **Điểm lớp đánh giá** | **Ghi chú** |
| **I - Đánh giá về ý thức và kết quả học tập (tối đa 20 điểm).** |  |  |  |
| *1. Kết quả học tập: TBC học kì trước: TBC học kì được đánh giá:* |  |  |  |
| a. Điểm trung bình chung học kì từ 3,60 đến 4,00 : 14đ |  |  |  |
| b. Điểm trung bình chung học kì từ 3,20 đến 3,59 : 12đ |  |  |  |
| c. Điểm trung bình chung học kì từ 2,50 đến 3,19 : 10đ |  |  |  |
| d. Điểm trung bình chung học kì từ 2,00 đến 2,49 : 05đ |  |  |  |
| đ. Điểm trung bình chung học kì dưới 2,00 : 00đ |  |  |  |
| *2. Tinh thần vượt khó trong học tập:* |  |  |  |
| a. Kết quả học tập tăng một bậc so với học kỳ trước, ĐTBCHK từ 2,00 trở lên : 03đ |  |  |  |
| b. Kết quả học tập tăng hai bậc so với học kỳ trước, ĐTBCHK từ 2,00 trở lên : 06đ |  |  |  |
| c. Sinh viên năm thứ I, nếu có kết quả học tập HK I từ 2,00 trở lên : 03đ |  |  |  |
| *3. Tham gia nghiên cứu khoa học (NCKH):* |  |  |  |
| a. Khóa luận tốt nghiệp từ loại giỏi trở lên : 06đ |  |  |  |
| b. Đề tài NCKH cấp trường từ loại giỏi trở lên : 06đ |  |  |  |
| c. Đề tài NCKH cấp trường từ loại đạt trở lên : 05đ |  |  |  |
| *4. Tham gia rèn luyện nghiệp vụ (RLNV):* |  |  |  |
| a. Tham gia hội thi RLNV cấp khoa : 02đ |  |  |  |
| b. Tham gia hội thi RLNV cấp trường : 04đ |  |  |  |
| c. Tham gia hội thi RLNV toàn quốc : 04đ |  |  |  |
| d. Tham gia đầy đủ các buổi hội thảo khoa học, báo cáo chuyên đề : 02đ |  |  |  |
| *5. Tham gia các câu lạc bộ học thuật* |  |  |  |
| a. Ban chủ nhiệm câu lạc bộ cấp khoa : 04đ |  |  |  |
| b. Ban chủ nhiệm câu lạc bộ cấp trường : 06đ |  |  |  |
| c. Thành viên tham gia thường xuyên các câu lạc bộ học thuật : 02đ |  |  |  |
| *6. Thành viên đội tuyển dự thi Olympic các môn học:* |  |  |  |
| a. Cấp khoa : 04đ |  |  |  |
| b. Cấp trường : 06đ |  |  |  |
| c. Cấp toàn quốc : 10đ |  |  |  |
| **Cộng:** |  |  |  |
| **II - Đánh giá về ý thức và kết quả chấp hành quy chế, nội quy, quy định trong nhà trường (tối đa 25 điểm).** |  |  |  |
| 1. Chấp hành tốt nội quy, quy chế của nhà trường : 15đ |  |  |  |
| 2. Tham gia đầy đủ các buổi họp của trường, khoa, CVHT, lớp tổ chức : 10đ |  |  |  |
| 3. Một lần vi phạm quy chế, quy định của trường (có biên bản xử lý) : **-**10đ |  |  |  |
| 4. Vắng 01 buổi họp do trường, khoa, CVHT, lớp tổ chức không lý do : **-**05đ |  |  |  |
| **Cộng:** |  |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **III - Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội (tối đa 20 điểm).** |  |  |  |
| *1. Tham gia các hoạt động chính trị – xã hội do nhà trường quy định:* |  |  |  |
| a. Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chính trị xã hội theo quy định : 10đ |  |  |  |
| b. Vắng mặt 01 buổi không lý do : **-**05đ |  |  |  |
| *2. Tham gia hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT, phòng chống TNXH…* : 05đ |  |  |  |
| *3. Tham gia trong đội tuyển văn nghệ, TDTT :* |  |  |  |
| a. Cấp khoa : 05đ |  |  |  |
| b. Cấp trường : 10đ |  |  |  |
| c. Được khen thưởng cấp toàn quốc : 15đ |  |  |  |
| **Cộng:** |  |  |  |
| **IV – Đánh giá ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng (tối đa 25 điểm).** |  |  |  |
| 1. Chấp hành tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước: : 10đ |  |  |  |
| 2. Được biểu dương người tốt, việc tốt ở nhà trường hoặc ở địa phương (có giấy chứng nhận) : 05đ |  |  |  |
| 3. Tham gia các hoạt động tình nguyện trung hạn: MHX, Tiếp sức mùa thi : 10đ |  |  |  |
| 4. Tham gia các công tác xã hội và các hoạt động tình nguyện ngắn ngày (có xác nhận của đơn vị tổ chức) : tối đa 10đ |  |  |  |
| 5. Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người có khó khăn, hoạn nạn : 05đ |  |  |  |
| 6. Tham gia hiến máu tình nguyện : 05đ |  |  |  |
| 7. Tham gia hội thao GDQP –AN cấp quận, cấp TP : 05đ |  |  |  |
| 8. Vi phạm ATGT, trật tự công cộng (có giấy báo gửi về trường) : **-**10đ |  |  |  |
| **Cộng:** |  |  |  |
| **V - Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia phụ trách lớp, các đoàn thể trong nhà trường (tối đa 10 điểm).** |  |  |  |
| 1. Lớp trưởng, BCH Đoàn trường, BCH Hội sinh viên trường : 10đ |  |  |  |
| 2. Lớp phó, BCH Đoàn khoa, BCH LCH SV; BCH CĐ, BCH chi hội lớp : 08đ |  |  |  |
| 3. Tổ trưởng, tổ phó : 03đ |  |  |  |
| 4. Đảng viên : 08đ |  |  |  |
| 5. Đối tượng Đảng : 05đ |  |  |  |
| 6. Đoàn viên TNCS Hồ Chí Minh : 03đ |  |  |  |
| 7. Được Đoàn thanh niên, Hội sinh viên biểu dương, khen thưởng |  |  |  |
| a. Cấp khoa : 05đ |  |  |  |
| b. Cấp trường, cấp thành phố : 10đ |  |  |  |
| ***\* Điểm phải được trên ½ lớp biểu quyết thông qua.*** |  |  |  |
| **Cộng:** |  |  |  |
| \*Tham gia các họat động đặc biệt do nhà trường huy động : tối đa 15đ |  |  |  |
| \*Đạt giải thưởng trong các kì thi cấp tỉnh thành trở lên : tối đa 15đ |  |  |  |
| **ĐIỂM TỔNG CỘNG** (tối đa không quá 100 điểm): |  |  |  |

Điểm kết luận của Hội đồng đánh giá cấp khoa: ...........................................................................................

Xếp loại /.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Họ tên và chữ ký của sinh viên** | **Họ tên và chữ ký của Lớp trưởng** | **Họ tên và chữ ký của Cố vấn học tập** |
| **Hội đồng cấp khoa** | **Hội đồng cấp trường** |